

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HS-ST
Ngày: 30-12-2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Tuấn và ông Nguyễn Phạm Minh V – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

- Bị cáo: Trần Quốc C. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 25/6/1979, tại: Long An. Nơi cư trú: 205/4 ấp M, xã D, C, Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 12/12. Họ và tên cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1956 (sống). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1961 (sống). Anh, chị, em ruột: 08 người, lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất sinh năm 1972. Vợ: Trần Phúc N, sinh năm 1980. Con: 02 người, sinh năm 2004 và 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2020 đến ngày 14/10/2020 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Anh T, Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Hữu L, sinh năm 1962; Địa chỉ: số A, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

2. Trần Phúc N, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt);

3. Lê Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);
4. Lê Nguyễn Mỹ H, sinh năm 2002; Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt);
5. Nguyễn Minh T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt);
6. Lê Văn T2, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt);
7. Trương Tấn B, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);
8. Nguyễn Anh T3, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp F, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt);
9. Nguyễn Vĩnh T4, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);
10. Nguyễn Văn S, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);
11. Dương Hoàng H1, sinh năm 1986; Địa chỉ: số C L, phường I, quận A, thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo ủy quyền: Đỗ Văn L1, sinh năm: 1993; Địa chỉ: R B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);
12. Hồ Thị Kim P, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);
13. Nguyễn Huy Đ1, sinh năm 1969; Địa chỉ: số B đường I, ấp B, phường T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);
14. Tô Thanh N1, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
15. Võ Trung T5, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
16. Nguyễn Minh H2, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
17. Võ Đình T6, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
18. Nguyễn Văn T7, sinh năm 1981; Địa chỉ: số A T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
19. Nguyễn Hồ Hoàng P1, sinh năm 2001; Địa chỉ: số D T, phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
20. Nguyễn Hoàng Anh T8, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
21. Trần Hoàng N2, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu C, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);
22. Nguyễn Văn N3, sinh năm 1983; Địa chỉ: số C, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

23. Võ Huy C2, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH A1, địa chỉ trụ sở chính: D H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/01/2010, mã số doanh nghiệp: 0309721416, do bị cáo Trần Quốc C làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty TNHH A1 có 02 chi nhánh đặt tại Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An:

- Chi nhánh Công ty TNHH A1, mã số chi nhánh 0309721416-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 14/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/6/2020. Chi nhánh hoạt động sản xuất phân bón NPK với công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm.

- Chi nhánh 3 Công ty TNHH A1, mã số chi nhánh 0309721416-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 18/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ I ngày 25/5/2017. Chi nhánh hoạt động sản xuất nước ép trái cây công suất 12.000.000 lít/năm.

Công ty A1 không có hồ sơ năng lực về xử lý chất thải hữu cơ nhưng có Giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ (sử dụng nguồn nguyên liệu là vỏ, hạt trái cây) và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án bổ sung dây chuyền sản xuất phân bón NPK công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm của Chi nhánh Công ty A1 theo Quyết định phê duyệt của Sở T số 919/QĐ-STNMT ngày 31/8/2016, có thể hiện nội dung *“Nguyên liệu của quá trình ủ gồm các phế phụ phẩm nông nghiệp và rác thải sinh hoạt để phân hủy không chứa các thành phần nguy hại (vỏ trái cây, bã mía, rơm rạ, mùn cưa...) sau khi nhập về được đem trộn đều với men vi sinh, các chất khoáng phụ gia, than bùn sau đó đem đi ủ”*. Do đó, từ năm 2021, bị cáo Trần Quốc C với vai trò là Giám đốc Công ty A1, đã ủy quyền cho Chi nhánh Công ty A1, do bà Trần Phúc N (vợ của C, làm giám đốc chi nhánh), ký các hợp đồng xử lý chất thải hữu cơ với các Công ty sau để nhận nguồn nguyên liệu là vỏ, hạt trái cây sử dụng cho việc sản xuất phân bón:

1. Công ty TNHH D (Công ty D), MSDN: 1201535487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 07/10/2016, địa chỉ: H khu tái định cư, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngành nghề kinh doanh chính: vận tải hàng hóa đường bộ (vận chuyển rác thải công nghiệp), thu gom rác thải không độc hại, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, do ông Dương

Hoàng H1, sinh ngày 30/01/1986, nơi cư trú: 3 L, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Công ty TNHH X, MSDN: 1201665260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 12/9/2022, địa chỉ: 1 Tổ C, ấp B, xã H, thành phố T, tỉnh Long An. Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến nông sản (xoài sấy), do bà Huỳnh Ngọc Loan T9, sinh ngày: 14/11/1998, nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Chi nhánh Công ty TNHH K tại Đồng Tháp, MSDN: 0313538357-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 28/8/2020, địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến nông sản (cấp đông xoài, sấy xoài) do ông Nguyễn Long N4, sinh ngày: 07/01/1977, nơi cư trú: A M, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Công ty TNHH C3, MSDN: 1401877671, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 28/9/2021, địa chỉ: Quốc lộ C, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến nông sản, do ông Võ Phát T10, ngày sinh: 02/8/1957, Quốc tịch: Đ2, địa chỉ liên lạc: 16 đường T, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty TNHH T11 - Chi nhánh L2, MSDN: 6001501899-002, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 13/4/2021, địa chỉ: xã T, huyện T, Long An. Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến nông sản (cấp đông xoài) do bà Phạm Thị Q, ngày sinh: 01/11/1989, địa chỉ: 3 B, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

Qua điều tra xác định, từ năm 2021 đến ngày 29/5/2024, tổng khối lượng chất thải hữu cơ Công ty A1 đã tiếp nhận của 05 Công ty: **29.418.153 kg**. Cụ thể: Công ty D **23.321.272 kg**, Công ty X **3.095.677 kg**, Công ty T11 **1.610.264 kg**, Công ty A2 **761.470 kg**, Công ty C3 **629.470 kg**.

Đầu năm 2024, bị cáo C hợp tác với ông Nguyễn Huy Đ1, sinh năm 1969, nơi cư trú: B Đường I, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H, để sấy vỏ, hạt trái cây phục vụ cho việc sản xuất phân bón, ông Đ1 là người chế tạo và vận hành máy sấy, bị cáo C góp mặt bằng. Tuy nhiên, quá trình vận hành chạy thử nghiệm không thành công, vỏ hạt soài không đạt độ ẩm để làm phân bón nhưng lúc này là thời điểm chín vụ, nguồn nguyên liệu, gồm: vỏ, hạt xoài nhiều, gây ứ đọng nên bị cáo C chỉ đạo nhân viên đổ, thải vỏ, hạt xoài ra khu vực phía sau Nhà máy sản xuất phân bón thuộc Chi nhánh Công ty TNHH A1, với khối lượng chất

thải bị đổ, thải là: **2.814.280** kg, trên diện tích 2.911,3m², không có giấy phép xây dựng, không lót đáy, không có mái che nên nước thải rò rỉ ra từ khối lượng lớn chất thải nói trên chưa qua xử lý theo đường ống chảy trực tiếp ra kênh L (*kênh dẫn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp từ sông V thuộc địa bàn huyện T qua địa bàn huyện T, tỉnh Tiền Giang*), qua ruộng, đất của các hộ dân lân cận gây nên ô nhiễm môi trường xung quanh. Trừ các chi phí bị cáo C thu lợi mỗi kg vỏ, hạt xoài là 200 đồng, tổng cộng bị cáo C thu lợi 562.856.000 đồng.

Phiếu kết quả thử nghiệm số 0344/2024/KS/PKQ(24.346), ngày 03/5/2024 của Trung tâm P2, môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L thể hiện: Mẫu nước thải từ Chi nhánh Công ty A1 trước khi tràn qua ao chứa của người dân (ông Nguyễn Thanh H3) có các thông số vượt nhiều lần (*pH=3,8, BOD5 vượt 2.121 lần, COD vượt 2.514 lần, chất rắn lơ lửng vượt 96,1 lần, tổng Ni tơ vượt 3,3 lần, tổng Phốt pho vượt 44,9 lần, A vượt 4,4 lần, S1 vượt 1,18 lần*) so với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40/2011:BTNMT.

Phiếu kết quả thử nghiệm số 0396/2024/KS/PKQ(24.398) ngày 17/5/2024 của Trung tâm P2, môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L thể hiện: Mẫu nước thải tại công thoát nước đường kính 90mm của Chi nhánh Công ty A1 xả ra kênh L có các thông số vượt nhiều lần (*pH=4,2, BOD5 vượt 638,89 lần, COD vượt 493,67 lần, chất rắn lơ lửng vượt 16,22 lần, tổng Ni tơ vượt 1,11 lần*) so với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40/2011:BTNMT.

Kết luận giám định tư pháp ngày 15/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, kết luận: Hạt, vỏ trái cây đổ thải tại khu vực phía sau nhà máy sản xuất phân bón của Chi nhánh Công ty TNHH A1, thuộc Nhóm chất thải từ hoạt động chế biến nông sản rau quả, dầu ăn, ngũ cốc, chè, cà phê, thuốc lá; sản phẩm bảo quản, sản phẩm lên men...., có mã chất thải là 14 04 và thuộc chất thải rắn công nghiệp thông thường được quy định tại Phụ lục III, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ T12 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSLA-P2 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử Trần Quốc C về tội “Gây ô nhiễm môi trường”, quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Trần Quốc C thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy

tố về tội “Gây ô nhiễm môi trường”, quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo Trần Quốc C đủ yếu tố cấu thành tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại khoản 3, Điều 235 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả và nộp tiền thu lợi bất chính để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc C về tội “Gây ô nhiễm môi trường”, quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Xử phạt bị cáo Trần Quốc C từ 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) đến 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng). Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Trần Quốc C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo C là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A1, biết rõ vỏ, hạt trái cây là chất thải từ hoạt động chế biến nông sản rau quả,.. thuộc chất thải rắn công nghiệp thông thường, phải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định pháp luật, không được chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường. Nhưng vì vụ lợi, bị cáo C đã chỉ đạo liên hệ ký hợp đồng thu gom vỏ, hạt trái cây của 05 công ty: (1) Công ty TNHH D, (2) Công ty TNHH X, (3) Chi nhánh Công ty TNHH K tại Đồng Tháp, (4) Công ty TNHH C3, (5) Công ty TNHH T11 - Chi nhánh L2, thu gom tổng cộng 29.418.153 kg vỏ, hạt trái cây, bị can C sử dụng 26.603.873 kg vỏ, hạt trái cây làm nguyên liệu ủ phân hữu cơ. Đến tháng 3/2024, số lượng vỏ, hạt trái cây tồn đọng nhiều, không nơi chứa nên bị cáo C chỉ đạo nhân viên đổ, thải trái pháp luật ra khu vực phía sau Nhà máy sản xuất phân bón thuộc Chi nhánh Công ty TNHH A1: **2.814.280 kg** vỏ, hạt trái cây, là chất thải rắn công nghiệp thông thường, trên diện tích đất là 2.911,3m², không có giấy phép xây dựng, không lót đáy, không có mái che nên nước thải rò rỉ ra từ khối lượng chất thải này chưa qua xử lý theo đường ống chảy trực tiếp ra kênh L, qua ruộng, đất của các hộ dân lân cận gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Bị cáo C thu lợi số tiền 562.856.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được việc môi trường được pháp luật điều chỉnh để bảo vệ sự sống của con người. những hành vi xâm hại đến môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất mọi người đều bị pháp luật xử lý. Tuy nhiên, do bị cáo là giám đốc Công ty A1 có giấy phép thu gom những chất thải rắn công nghiệp về ủ nhằm sản xuất phân bón nhưng do thiết bị sản xuất bị hỏng nhưng bị cáo không xử lý để bảo vệ môi trường mà đổ phía sau của Chi nhánh Công ty của bị cáo gồm **2.814.280 kg** vỏ, hạt trái cây, là chất thải rắn công nghiệp thông thường gây ảnh hưởng đến nguồn nước kênh L và ảnh hưởng sản xuất của nông dân trên khu vực xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Hành vi của bị cáo Trần Quốc C có đủ yếu tố cấu thành tội “Gây ô nhiễm môi trường”, quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự, bị cáo biết rõ vỏ, hạt trái cây là chất thải từ hoạt động chế biến nông sản rau quả,.. thuộc chất thải rắn công nghiệp thông thường, phải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định pháp luật, không được chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường gây ô nhiễm môi trường xung quanh và bị cáo C thu lợi số tiền

562.856.000 đồng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Gây ô nhiễm môi trường”, quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Xét cần phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; Bị cáo Trần Quốc C đã tự nguyện ký hợp đồng chuyển giao 2.814.280 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường nêu trên cho Công ty TNHH T13 có chức năng xử lý, tiêu hủy khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nộp tiền thu lợi từ việc thu gom rác thải là nguyên liệu sản xuất phân bón; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình thu gom, xử lý vật chứng và giải quyết vụ án. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đó là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Trần Phúc N (vợ bị cáo) là giám đốc Chi nhánh Công ty A1 nhưng chỉ đứng tên mặt pháp lý chi nhánh, không tham gia điều hành, ký vào các hợp đồng thu gom rác thải mục đích là nguyên liệu sản xuất phân bón theo giấy phép. Nhưng không biết việc thiết bị ủ chất thải bị hư hỏng và không biết việc đổ chất thải rắn của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7] Đối với các cá nhân là giám đốc các Công ty ký hợp đồng giao và trả tiền cho bị cáo để thu gom chất thải mục đích để bị cáo làm nguyên liệu sản xuất phân bón nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Đối với Nguyễn Huy Đ1 là người cung cấp thiết bị ủ phân cùng hợp tác với bị cáo, khi thiết bị hư hỏng thì không tham gia xử lý và không biết việc bị cáo C tự đổ rác thải làm ảnh hưởng sản xuất của nông dân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Quốc C:

- 01 CPU máy vi tính, màu đen, nhãn hiệu DELUXE, đã qua sử dụng.
- 01 đầu ghi dữ liệu camera giám sát an ninh của Nhà máy sản xuất phân bón (Công ty A1), nhãn hiệu “@hua”, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 562.856.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính (bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu số 0000586 ngày 26/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An).

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc C phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; Điều 35, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc C 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Quốc C:

- 01 CPU máy vi tính, màu đen, nhãn hiệu DELUXE, đã qua sử dụng.

- 01 đầu ghi dữ liệu camera giám sát an ninh của Nhà máy sản xuất phân bón (Công ty A1), nhãn hiệu “@hua”, đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 11 năm 2024.

3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 562.856.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính (bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu số 0000586 ngày 26/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Quốc C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- CQĐT Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh